

Bản án số: 656/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30 - 7 - 2020  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huy Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

*- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Đ** - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: 456/2 đường S, thành phố QN, tỉnh BĐ.

*- Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang K** - Sinh năm: 1974

Địa chỉ: 83 đường T, thành phố QN, tỉnh BĐ.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Quang K tự tìm hiểu khoảng 1 năm, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố QN vào ngày 23/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với cha mẹ chồng nên cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng khó tính, có lần xảy ra mâu thuẫn đã đuổi chị đi ra khỏi nhà, anh K thì không biết cách chia sẻ, có lần còn đánh chị khi anh đi nhậu về. Nay chị nhận thấy tình cảm

giữa vợ chồng không còn nữa, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Minh Hiếu H, sinh ngày 23/7/2000 và Nguyễn Quang Kh, sinh ngày 01/11/2009. Hiện nay cháu H đang học Đại học tại TP. Hồ Chí Minh, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Kh, hiện đang sống với anh chị, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn chị tự nguyện giao cháu Kh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh K tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Quang K trình bày:**

Anh thống nhất về thời gian tìm hiểu, kết hôn như chị Đ trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đôi lúc có mâu thuẫn mà nguyên nhân là do chị Đ không khéo léo trong quan hệ gia đình chồng, đặc biệt là mẹ chồng. Anh rất khó giải quyết giữa mẹ ruột và vợ, nhiều lần anh khuyên vợ nhưng không thành. Khoảng tháng 10/2019 anh chị đã mua nhà sống riêng, mâu thuẫn giữa mẹ anh và chị Đ đã được giải quyết. Do đó, chị Đ có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ, cháu Kh còn nhỏ cần sự chăm sóc của cha lẫn mẹ.

Về con chung: Anh thống nhất như chị Đ trình bày. Nếu Tòa cho ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Kh, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Quang K; công nhận sự thỏa thuận giữa anh K và chị Đ về việc giao cháu Kh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chị Đ phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND P. Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn vào ngày 23/11/1999, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh K sống chung với ba mẹ anh K. Quá trình chung sống, giữa chị Đ và mẹ anh K đã phát sinh mâu thuẫn. Từ mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu không được giải quyết khéo léo dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Tháng 10/2019, chị Đ và anh K đã mua nhà sống riêng nhưng vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tháng 02/2020 chị Đ đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, được Tòa án động viên, hòa giải, chị Đ đã rút đơn về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. HĐXX xét: Mặc dù anh K có thiện chí muốn đoàn tụ nhưng hôn nhân của chị Đ, anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh K có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Quang Kh, chị Đ cũng tự nguyện giao cháu Kh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Kh cũng có nguyện vọng sống với anh K. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đ và anh K về việc giao cháu K cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Riêng cháu H đã trưởng thành, tự lập được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Đ, anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Nguyễn Quang K.

## 2. Về nuôi con chung:

**2.1.** Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Quang K về việc giao con chung cháu Nguyễn Quang Kh, sinh ngày 01/11/2009 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu H đã trưởng thành, tự lập nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**2.2.** Anh Nguyễn Quang K không yêu cầu chị Bùi Thị Đ cấp dưỡng nuôi cháu Kh nên HĐXX không xem xét giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.*

**3.** Về chia tài sản: Chị Đ, anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007773 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành 'pán theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. Lê Hồng Phong, TP. QN;  
(Genkh số 109 ngày 23/11/1999)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Thị Huy Huệ**

